

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **109/2008/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH
Về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập và bán đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

1. Bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập không phụ thuộc vào quy mô vốn nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Thuộc diện bán doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

b) Thuộc diện cổ phần hoá trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhưng không thực hiện cổ phần hóa được.

2. Bán đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, áp dụng đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc các trường hợp sau:

a) Thuộc diện bán bộ phận doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động và khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bộ phận doanh nghiệp còn lại;

b) Thuộc diện cổ phần hoá bộ phận doanh nghiệp trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nhưng không thực hiện cổ phần hoá được.

3. Giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập (sau đây gọi chung là giao doanh nghiệp) khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Giá trị tổng tài sản ghi trên sổ kế toán dưới 15 tỷ đồng;

b) Không có lợi thế về đất đai;

c) Thuộc diện giao doanh nghiệp trong Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc đã tiến hành bán nhưng không bán được.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bán doanh nghiệp”, bao gồm: bán toàn bộ hoặc bộ phận doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập quy định tại khoản 1 và bán đơn vị phụ thuộc quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này là việc chuyển sở hữu có thu tiền toàn bộ doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp sang sở hữu tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân khác.

2. “Giao doanh nghiệp” là việc chuyển sở hữu không thu tiền đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập thành sở hữu của tập thể người lao động trong doanh nghiệp có phân định rõ sở hữu của từng người.

3. "Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước" bao gồm: công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là đại diện chủ sở hữu.

4. "Công ty thành viên hạch toán độc lập" bao gồm: công ty thành viên hạch toán độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổng công ty nhà nước, công ty mẹ thuộc tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con là chủ sở hữu.

5. "Công ty mẹ" bao gồm: công ty mẹ thuộc tổng công ty nhà nước, tập đoàn kinh tế, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con.

6. "Người mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp" là tập thể người lao động trong doanh nghiệp, pháp nhân, nhóm người hoặc cá nhân mua doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp.

7. "Người nhận giao doanh nghiệp" là tập thể người lao động trong doanh nghiệp nhận giao doanh nghiệp.

8. "Người giao, người bán doanh nghiệp hoặc bộ phận doanh nghiệp" là cơ quan, tổ chức đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp.

9. "Bán theo phương thức trực tiếp" là phương thức đàm phán, thoả thuận và ký hợp đồng trực tiếp giữa người bán doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp với người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp trong trường hợp chỉ có một tổ chức hoặc tập thể người lao động trong doanh nghiệp hoặc một nhóm người hoặc một cá nhân đăng ký mua (sau đây gọi tắt là người đăng ký mua).

10. "Bán theo phương thức đấu giá" là phương thức lựa chọn người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp khi có từ hai người đăng ký mua trở lên thông qua trả giá cạnh tranh công khai tại phiên đấu giá.

11. "Tập thể người lao động trong doanh nghiệp" là những người lao động hiện có trong danh sách làm việc thường xuyên của doanh nghiệp tự nguyện thực hiện nghị quyết Đại hội công nhân viên chức doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp về nhận giao, mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp tại thời điểm có hiệu lực của quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lao động. Tập thể người lao động trong doanh nghiệp do Ban Chấp hành Công đoàn doanh nghiệp hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời làm đại diện hoặc người được Đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp bầu làm đại diện để thực hiện việc nhận giao, mua doanh nghiệp hoặc mua bộ phận doanh nghiệp.

12. "Ban Đổi mới tại doanh nghiệp" là tổ chức được thành lập tại doanh nghiệp thực hiện bán, giao doanh nghiệp do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ quyết định thành lập.

13. "Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp" là tổ chức thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ thuộc tập đoàn kinh tế hoặc tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Nghị định này khi bán doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp hoặc giao doanh nghiệp.

14. "Doanh nghiệp không cổ phần hoá được" là doanh nghiệp mà theo Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc danh mục cổ phần hoá, sau khi đã áp dụng tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật về cổ phần hoá nhưng vẫn không cổ phần hoá được hoặc không đáp ứng đủ điều kiện để cổ phần hoá.

15. “Doanh nghiệp không có lợi thế về đất đai” là doanh nghiệp:

a) Có quyền sử dụng đất với diện tích dưới 200 m²;

b) Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc giá thuê đất trên thị trường trong điều kiện bình thường không vượt quá 20% so với giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp không xác định được giá thì sử dụng giá chuyển nhượng hoặc giá thuê đất của khu đất có vị trí và điều kiện tương đương để xác định.

Điều 4. Đối tượng được mua, nhận giao doanh nghiệp

1. Đối tượng có quyền mua doanh nghiệp, bao gồm:

a) Tập thể người lao động trong doanh nghiệp;

b) Cá nhân người lao động trong doanh nghiệp;

c) Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, trừ tổ chức tài chính trung gian thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp;

d) Công dân Việt Nam có đủ năng lực hành vi dân sự, trừ những người không được thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp, thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, các cá nhân thuộc tổ chức tài chính trung gian thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp;

đ) Tổ chức kinh tế tài chính được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoạt động kinh doanh tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài, trừ tổ chức kinh tế tài chính trung gian và cá nhân thuộc tổ chức kinh tế tài chính trung gian thực hiện tư vấn định giá, đấu giá bán doanh nghiệp.

2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại điểm c và các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật được xác định là nhà đầu tư nước ngoài được tham gia cùng với các doanh nghiệp, công dân Việt Nam khác mua một phần của doanh nghiệp theo tỷ lệ không vượt quá mức cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài trong các ngành nghề, lĩnh vực mà Việt Nam có cam kết; đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực khác, nhà đầu tư nước ngoài được mua toàn bộ doanh nghiệp.

3. Đối tượng được giao doanh nghiệp là tập thể người lao động trong doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Điều 5. Nguyên tắc bán, giao doanh nghiệp

1. Người mua, người nhận giao không được bán lại doanh nghiệp trong thời gian quy định của hợp đồng.

2. Tài sản của doanh nghiệp khi thực hiện bán, giao được tính bằng giá trị. Giá trị của doanh nghiệp thực hiện bán được tính theo giá thực tế trên thị trường. Giá trị doanh nghiệp thực hiện giao được tính theo giá trị trên sổ kế toán đã được kiểm toán.

3. Thứ tự ưu tiên trong lựa chọn phương thức bán doanh nghiệp:

- a) Bán đấu giá có kế thừa công nợ;
- b) Bán đấu giá không kế thừa công nợ;
- c) Bán thỏa thuận trực tiếp có kế thừa công nợ;
- d) Bán thỏa thuận trực tiếp không kế thừa công nợ.

Ưu tiên cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp mua nếu trả giá bằng người mua khác trong lần đấu giá cuối cùng.

4. Thực hiện việc công bố công khai theo quy định tại Điều 15 và Điều 23 Nghị định này.

5. Phương tiện thanh toán khi mua doanh nghiệp là tiền đồng Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua doanh nghiệp phải mở tài khoản tiền gửi tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và thực hiện thanh toán trong việc mua doanh nghiệp thông qua tài khoản này.

6. Các khoản chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho việc bán, giao doanh nghiệp được trừ vào vốn nhà nước hoặc nguồn thu từ bán doanh nghiệp, nếu không đủ thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và mức chi phí bán, giao doanh nghiệp.

Điều 6. Bảo đảm của Nhà nước

Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người mua, người nhận giao doanh nghiệp; quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II BÁN DOANH NGHIỆP

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp

1. Người đăng ký mua:

a) Có quyền khảo sát thực trạng doanh nghiệp; nghiên cứu hồ sơ, báo cáo tài chính, bảng kê tài sản, các Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, đất đai, các hợp đồng liên quan đến doanh nghiệp;

b) Có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin thu được từ việc khảo sát thực trạng và các tài liệu của doanh nghiệp; không được tiết lộ hoặc sử dụng thông tin trên gây phương hại cho doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp.

2. Người đã mua doanh nghiệp:

a) Được quyền lựa chọn hình thức pháp lý của doanh nghiệp sau khi mua; được tiếp tục thuê đất hoặc nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Được kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ của doanh nghiệp nhà nước đã ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và các hợp đồng đã ký kết;

c) Thanh toán tiền mua doanh nghiệp theo hợp đồng đã ký.

Điều 8. Trình tự bán doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp

1. Việc chuẩn bị bán doanh nghiệp, gồm: thông báo về việc bán doanh nghiệp; chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ pháp lý của doanh nghiệp.

2. Xây dựng, phê duyệt phương án bán doanh nghiệp, gồm: kiểm kê, đối chiếu, phân loại tài sản và nợ; lập báo cáo tài chính và phương án xử lý tài sản, tài chính và nợ; xây dựng phương án sắp xếp lao động; xác định giá trị doanh nghiệp; xây dựng phương án bán, xác định giá bán tối thiểu và phương thức bán, dự kiến chi phí tổ chức thực hiện bán doanh nghiệp; phê duyệt phương án bán, xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động. Trường hợp dự kiến số thu từ việc bán doanh nghiệp không đủ bù đắp chi phí thực hiện bán doanh nghiệp (trường hợp người mua kế thừa nợ) hoặc không đủ chi phí và trả các khoản nợ (trường hợp người mua không kế thừa nợ) thì phải chuyển sang hình thức giao hoặc giải thể, phá sản.

3. Xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động.

4. Tổ chức bán doanh nghiệp.

5. Phê duyệt kết quả bán; lập báo cáo tài chính doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao cho người mua; ký kết hợp đồng; thanh toán; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua; thông báo về việc hoàn thành bán doanh nghiệp.

6. Đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp sau khi bán.

Điều 9. Thông báo về việc bán doanh nghiệp

Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cơ quan, tổ chức quyết định bán doanh nghiệp thông báo cho doanh nghiệp về việc bán doanh nghiệp.

Điều 10. Xử lý tài sản và tài chính khi bán doanh nghiệp

1. Việc xử lý tài sản, số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, chi phí xây dựng dở dang, các khoản dự phòng, lỗ hoặc lãi thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 109/2007/NĐ-CP).

2. Chênh lệch tài sản kiểm kê:

a) Đối với tài sản dôi thừa nếu không xác định được nguyên nhân và chủ sở hữu thì doanh nghiệp được hạch toán tăng vốn nhà nước tương ứng với giá trị thực tế của tài sản dôi thừa;

b) Đối với tài sản hao hụt, mất mát, tổn thất, doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch giữa giá trị bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan, tổ chức bảo hiểm (nếu có) với giá trị tổn thất thực tế được bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính; nếu thiếu thì hạch toán vào kết quả kinh doanh; nếu doanh nghiệp vẫn bị lỗ thì được ghi giảm vốn nhà nước.

Điều 11. Xử lý các khoản nợ và xác định giá trị doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được bán hoặc có bộ phận được bán có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi các khoản nợ phải thu đến hạn trước khi bán; huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả hoặc thoả thuận với các chủ nợ để xử lý trước khi bán.

2. Đối với các khoản nợ phải thu còn lại và nợ phải trả thì tùy theo điều kiện mua bán có kế thừa nợ hoặc không kế thừa nợ để xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp người mua cam kết kế thừa nợ, người mua có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ phải trả và thu hồi các khoản nợ phải thu theo cam kết; việc cam kết kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả phải được ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp và thông báo bằng văn bản cho chủ nợ, khách nợ và các bên liên quan biết;

b) Trường hợp người mua không cam kết kế thừa nợ, doanh nghiệp được bán có trách nhiệm xử lý các khoản nợ này theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng. Trường hợp các khoản nợ chưa được xử lý hết theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng thì được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP tại thời điểm quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

3. Đối với các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công thì phải đối chiếu với hợp đồng và khối lượng hàng hoá dịch vụ cung cấp để tính vào giá trị doanh nghiệp.

4. Việc xác định và điều chỉnh giá trị doanh nghiệp được áp dụng theo những nguyên tắc quy định tại Chương III Nghị định số 109/2007/NĐ-CP. Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp có trách nhiệm thẩm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về xác định giá trị doanh nghiệp, trình cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp không bảo đảm đúng quy định của Nhà nước thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp có thể từ chối không thanh toán phí dịch vụ tư vấn định giá; nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, doanh nghiệp thì tổ chức tư vấn định giá phải bồi thường.

5. Đối với doanh nghiệp không cổ phần hoá được phải chuyển sang phương thức bán thì được kế thừa kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình cổ phần hoá.

Điều 12. Xác định giá bán doanh nghiệp

1. Giá khởi điểm bán doanh nghiệp được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Không thấp hơn tổng giá trị phần vốn nhà nước đã được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này và giá trị quyền sử dụng đất (nếu có) theo giá công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu người mua kế thừa các khoản nợ.

b) Không thấp hơn tổng giá trị doanh nghiệp đã được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này và giá trị quyền sử dụng đất (nếu có) theo giá công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu người mua không kế thừa các khoản nợ.

2. Giá bán doanh nghiệp:

Căn cứ vào phương thức bán (bán đấu giá hoặc bán trực tiếp), phương thức thanh toán (một lần hoặc nhiều lần), mức giá đặt mua, số lao động mà người mua tiếp tục sử dụng để quyết định giá bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Tổ chức bán doanh nghiệp theo phương thức đấu giá

1. Trường hợp bán doanh nghiệp mà có từ hai người đăng ký mua trở lên thì phải bán theo một trong hai phương thức đấu giá sau:

a) Đấu giá kế thừa toàn bộ số lao động còn lại, áp dụng trong trường hợp đã giải quyết một phần số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

b) Đấu giá không kế thừa lao động, áp dụng trong trường hợp đã giải quyết hết số lao động hoặc đã phê duyệt phương án giải quyết hết số lao động theo quy định của pháp luật về lao động và chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

2. Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp có các quyền hạn và nhiệm vụ sau trong việc chỉ đạo và giám sát việc đấu giá:

a) Xây dựng quy chế bán đấu giá trình cơ quan, tổ chức quyết định bán doanh nghiệp phê duyệt;

b) Lựa chọn và trình cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp quyết định việc ký hợp đồng thuê tổ chức tư vấn định giá, tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp;

c) Trình cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp quyết định phương thức đấu giá và công bố giá khởi điểm;

d) Giám sát việc đấu giá.

3. Xác định giá trị doanh nghiệp:

a) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định bán doanh nghiệp, Ban Đãi mới tại doanh nghiệp phải hoàn thành các công việc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 18 Nghị định này và gửi kết quả cho Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả theo quy định tại điểm a khoản này, Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp phải thực hiện việc tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này;

c) Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp trình cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố giá khởi điểm.

4. Lựa chọn tổ chức thực hiện đấu giá:

Các doanh nghiệp có tổng giá trị tài sản sau khi xác định lại dưới 30 tỷ đồng được đấu giá công khai tại các tổ chức tài chính trung gian. Trường hợp không có tổ chức tài chính trung gian nhận bán đấu giá doanh nghiệp thì tổ chức bán đấu giá tại doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp còn lại được đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

5. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp công bố giá khởi điểm, tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp phải thông báo công khai tại doanh nghiệp và trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 3 số liên tiếp chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện bán đấu giá về các thông tin sau đây:

a) Tên, địa chỉ và ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp được bán đấu giá;

b) Các thông tin cơ bản về tài sản, lao động, tài chính, đất đai, bao gồm cả thời hạn thuê đất còn lại (nếu doanh nghiệp đang thuê đất);

c) Giá khởi điểm;

d) Mức tiền đặt cọc;

đ) Các điều kiện bán;

e) Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ mời đấu giá;

g) Thời gian và địa điểm nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp, tiền đặt cọc;

h) Thời gian và địa điểm tổ chức phiên bán đấu giá.

6. Hồ sơ mời đấu giá gồm: các thông tin quy định tại khoản 5 Điều này, mẫu đơn đăng ký mua doanh nghiệp, nội quy phiên bán đấu giá.

7. Người mua doanh nghiệp phải nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp và tiền đặt cọc cho tổ chức thực hiện bán đấu giá theo những quy định sau:

a) Đơn đăng ký mua doanh nghiệp và tiền đặt cọc phải nộp chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày thực hiện bán đấu giá;

b) Đơn đăng ký mua phải ghi cụ thể giá tối thiểu đặt mua doanh nghiệp, giá tối thiểu đặt mua không được thấp hơn giá khởi điểm;

c) Mức tiền đặt cọc bằng 10% giá khởi điểm;

d) Khi nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp, người nộp phải xuất trình chứng minh nhân dân (đối với cá nhân là người Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là người nước ngoài), giấy giới thiệu (đối với tổ chức) và ký cam kết thực hiện nội quy bán đấu giá;

Khi nhận đơn đăng ký và tiền đặt cọc, tổ chức bán đấu giá cấp cho người nộp hồ sơ giấy chứng nhận đã nộp đơn đăng ký mua và biên lai thu tiền đặt cọc. Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm giữ bí mật giá đặt mua của người đăng ký mua doanh nghiệp.

đ) Trong thời hạn nhận đơn đăng ký mua doanh nghiệp, người đã đăng ký có thể rút lại đơn đăng ký mua và được hoàn trả ngay khoản tiền đặt cọc.

8. Phiên bán đấu giá được thực hiện khi có ít nhất hai người nộp đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ và đã nộp tiền đặt cọc. Trường hợp chỉ có một đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ được chấp thuận, người bán áp dụng phương thức trực tiếp theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Trường hợp không có đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ, tổ chức bán đấu giá doanh nghiệp báo cáo Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để giảm mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mức giá quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này hoặc áp dụng các hình thức chuyển đổi khác.

9. Phiên bán đấu giá được thực hiện như sau:

a) Tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp quyết định cử người đại diện có thẩm quyền để điều hành phiên đấu giá và mời một công chứng viên tham gia chứng kiến phiên đấu giá;

Việc điều hành trả giá và các quy tắc ứng xử trong phiên bán đấu giá được thực hiện theo nội quy phiên bán đấu giá.

b) Tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp quyết định lựa chọn một trong hai hình thức đấu giá là đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu kín để tiến hành bán đấu giá doanh nghiệp;

c) Việc đấu giá trực tiếp bằng lời nói được thực hiện thông qua việc từng người tham gia đấu giá trả giá trực tiếp bằng lời nói. Sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá, người điều hành phiên bán đấu giá nhắc lại ba lần một cách rõ ràng, chính xác bằng lời nói giá đã trả cao nhất, mỗi lần cách nhau ba mươi giây. Việc đấu giá được tiến hành cho đến khi không còn người yêu cầu trả giá tiếp thì người có mức giá trả cao nhất là người trúng đấu giá và được quyền mua doanh nghiệp;

d) Việc đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp được thực hiện theo từng vòng, liên tục. Người điều hành phiên bán đấu giá công bố giá cao nhất ghi trong phiếu bỏ giá của người mua. Giá công bố cao nhất được trả của vòng trước là giá khởi điểm của vòng đấu tiếp theo cho đến khi không còn người yêu cầu trả giá tiếp thì người có mức giá trả cao nhất là người trúng đấu giá và được quyền mua doanh nghiệp;

đ) Trường hợp người trúng đấu giá từ chối (không ký biên bản đấu giá hoặc ký biên bản đấu giá nhưng không ký hợp đồng mua bán doanh nghiệp) thì tổ chức thực hiện đấu giá lựa chọn và thông báo cho người có giá thấp hơn liền kề là người trúng giá bổ sung nếu giá trả của người này không thấp hơn giá khởi điểm của vòng đấu giá cuối cùng. Nếu người trúng giá bổ sung từ chối thì tổ chức thực hiện đấu giá ra văn bản hủy bỏ kết quả đấu giá và báo cáo người bán tổ chức đấu giá lại vào một thời điểm khác.

10. Biên bản bán đấu giá:

a) Khi kết thúc phiên bán đấu giá, tổ chức thực hiện đấu giá lập biên bản bán đấu giá gửi Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp. Biên bản bán đấu giá phải có chữ ký của người điều hành bán đấu giá, người làm chứng và người mua;

b) Trường hợp phiên bán đấu giá không thành thì tổ chức thực hiện đấu giá phải lập biên bản bán đấu giá không thành. Biên bản này phải có chữ ký của người điều hành phiên bán đấu giá và người làm chứng.

Điều 14. Tổ chức bán doanh nghiệp theo phương thức trực tiếp

1. Trường hợp chỉ có một đơn đăng ký mua doanh nghiệp hợp lệ được chấp thuận, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp áp dụng phương thức bán thoả thuận trực tiếp.

2. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc doanh nghiệp trao đổi trực tiếp với người mua về giá bán, phương án sử dụng lao động và thoả thuận về các nội dung trong hợp đồng mua bán. Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp mua không kế thừa công nợ) hoặc tổng giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp mua kế thừa công nợ) được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này là cơ sở để thoả thuận với người mua về giá bán doanh nghiệp.

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp gửi hồ sơ và biên bản đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp.

Điều 15. Phê duyệt kết quả bán, ký kết hợp đồng, bàn giao, thanh toán, thông báo về việc hoàn thành bán doanh nghiệp

1. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp phải xem xét để phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp, tổ chức thực hiện đấu giá phải hoàn trả tiền đặt cọc cho những người tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá. Tiền đặt cọc của người trúng đấu giá được trừ vào tiền mua doanh nghiệp. Tiền đặt cọc không được hoàn trả cho người vi phạm nội quy phiên bán đấu giá, người trúng đấu giá nhưng không thực hiện ký hợp đồng theo quy định. Khoản tiền đặt cọc không được hoàn trả phải hạch toán tăng khoản thu do bán doanh nghiệp và được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi có quyết định phê duyệt kết quả bán doanh nghiệp, đại diện người bán và người mua phải ký kết hợp đồng mua bán doanh nghiệp. Hợp đồng mua bán doanh nghiệp bao gồm các nội dung chính sau:

a) Tên, địa chỉ, số tài khoản của doanh nghiệp được bán;

- b) Tên, địa chỉ, số tài khoản (nếu có) của người mua doanh nghiệp;
- c) Giá bán doanh nghiệp;
- d) Các cam kết của người mua và người bán doanh nghiệp;
- đ) Phương thức chuyển giao tài sản, thanh toán tiền mua doanh nghiệp, thời hạn bàn giao doanh nghiệp;
- e) Xử lý các vấn đề phát sinh, tranh chấp hợp đồng.

Kèm theo hợp đồng là bảng kê tài sản, công nợ (nếu có) mà người mua và người bán đã thoả thuận.

4. Người mua doanh nghiệp thanh toán trong thời hạn quy định tại hợp đồng mua bán, nhưng tối đa không quá 1 năm kể từ thời điểm hợp đồng mua bán doanh nghiệp được ký, trong đó lần đầu phải thực hiện trong thời hạn 1 tháng và thanh toán không dưới 70% giá bán.

Khi người mua đã thanh toán ít nhất 70% giá bán và có đủ tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh theo đúng quy định của pháp luật cho phần còn lại, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phải tổ chức việc bàn giao doanh nghiệp cho người mua. Người bán doanh nghiệp tiếp tục điều hành doanh nghiệp cho đến khi bàn giao. Trường hợp gây thất thoát tài sản, người bán có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký biên bản bàn giao, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp thông báo việc bán doanh nghiệp với các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ của doanh nghiệp được bán;
- b) Tên, địa chỉ của người mua;
- c) Giá bán, phương thức bán, thời hạn thanh toán;
- d) Trách nhiệm của người mua, người bán doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trong việc xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh khác.

Thông báo việc hoàn thành bán doanh nghiệp được đăng trên phương tiện thông tin đại chúng và gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp.

Điều 16. Quản lý và sử dụng số tiền bán doanh nghiệp

Số tiền bán doanh nghiệp sau khi nộp vào ngân sách nhà nước phân giá trị quyền sử dụng đất (nếu có), được sử dụng vào các mục đích sau: thanh toán các chi phí phục vụ cho việc bán doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ mà người mua không kế thừa; thực hiện chính sách đối với người lao động khi bán doanh nghiệp; số tiền còn lại được nộp về:

1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của tổng công ty, công ty mẹ trong trường hợp bán công ty thành viên hạch toán độc lập, bộ phận doanh nghiệp thuộc tổng công ty, công ty mẹ.

2. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập trong trường hợp bán bộ phận doanh nghiệp của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty thành viên hạch toán độc lập.

3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước trong trường hợp bán doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Điều 17. Nguyên tắc giải quyết lao động và cán bộ quản lý

1. Chế độ đối với người lao động:

a) Người lao động đủ điều kiện hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Người tiếp tục chuyển sang doanh nghiệp mới được tiếp tục ký hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành;

c) Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng chế độ, chính sách theo pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

d) Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng doanh nghiệp được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định bán doanh nghiệp xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công việc hoặc giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của người mua, người bán:

a) Giám đốc doanh nghiệp được bán có trách nhiệm:

- Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết quyền lợi cho người lao động thuộc diện hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành;

- Giải quyết quyền lợi cho người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước;

- Làm thủ tục đề cơ quan bảo hiểm xã hội cấp sổ bảo hiểm theo quy định đối với người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp mới và chuyển danh sách, hồ sơ của số lao động này cho doanh nghiệp mới.

b) Người mua doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng số lao động ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp; kế thừa các nghĩa vụ đối với người lao động đã tiếp nhận và thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp bán toàn bộ hoặc bán bộ phận

Khi nhận được thông báo về việc bán doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ pháp lý, hợp đồng chưa thanh lý, các Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và đất đai của doanh nghiệp.

2. Kiểm kê, xác định số lượng tài sản hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp, đánh giá thực trạng và phân loại tài sản có thể tiếp tục sử dụng, tài sản thanh lý, nhượng bán.

3. Đối chiếu và phân loại công nợ phải thu, phải trả; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, số nợ phải thu, trong đó chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi và kiến nghị biện pháp xử lý.

4. Lập báo cáo tài chính quý gần nhất; lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

5. Xây dựng phương án sắp xếp số lao động hiện có của doanh nghiệp với các nội dung sau:

a) Lập danh sách toàn bộ số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá khởi điểm bán doanh nghiệp, có chia ra số lao động đang làm việc có hưởng lương và có đóng bảo hiểm xã hội hoặc không đóng bảo hiểm xã hội; số lao động đã nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách của doanh nghiệp có đóng bảo hiểm xã hội hoặc không đóng bảo hiểm xã hội;

b) Dự kiến số lao động mà người mua phải kế thừa sử dụng, số lao động phải giải quyết theo quy định của pháp luật về lao động hoặc chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

6. Tạo điều kiện cho người đăng ký mua doanh nghiệp khảo sát, tiếp cận tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

7. Xử lý tài sản, tài chính, công nợ, lao động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

8. Ký hợp đồng thuê tư vấn định giá và thuê tổ chức thực hiện đấu giá doanh nghiệp.

9. Lập báo cáo tài chính doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao cho người mua và xử lý những vấn đề về tài chính phát sinh từ thời điểm định giá doanh nghiệp đến thời điểm bàn giao.

10. Bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua doanh nghiệp theo thoả thuận ghi trong hợp đồng mua bán doanh nghiệp.

Điều 19. Đăng ký kinh doanh

Sau khi nhận bàn giao doanh nghiệp, người mua doanh nghiệp thực hiện đăng ký kinh doanh theo loại hình tương ứng mà doanh nghiệp sẽ hoạt động theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng mua, bán doanh nghiệp và biên bản bàn giao doanh nghiệp.

Điều 20. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện cam kết hợp đồng

Người quyết định bán doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các cam kết trong hợp đồng mua, bán doanh nghiệp; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm cam kết hợp đồng.

Chương III

GIAO DOANH NGHIỆP CHO TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 21. Điều kiện đối với tập thể người lao động nhận giao doanh nghiệp

Tập thể người lao động trong doanh nghiệp được xem xét giao doanh nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Tự nguyện đăng ký nhận giao doanh nghiệp.

2. Cam kết duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm tối thiểu từ 3 năm trở lên kể từ ngày nhận giao doanh nghiệp, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Kế thừa công nợ và các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp sau khi đã xử lý theo các quy định của Nghị định này. Kế thừa quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Không được bán, cho thuê, tự giải thể doanh nghiệp trong thời hạn tối thiểu là 3 năm sau khi nhận giao, trừ trường hợp doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Điều 22. Nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, công nợ và lao động khi giao doanh nghiệp

1. Ban Đối mới tại doanh nghiệp tiến hành kiểm kê, xác định số lượng và thực trạng toàn bộ tài sản; các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn; tài sản thuê, mượn, giữ hộ, bán hộ, ký gửi, chiếm dụng, cho thuê, cho mượn; đối chiếu và phân loại các loại công nợ; lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả, danh sách người mắc nợ và số nợ phải thu, trong đó phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi; tiến hành phân loại tài sản, xử lý tài sản và các khoản nợ.

2. Nguyên tắc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, thuê tài chính; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp thì các bên giao, nhận giao doanh nghiệp và chủ sở hữu tài sản thoả thuận việc kế thừa và ký lại hợp đồng mới hoặc thanh lý hợp đồng;

b) Đối với tài sản chiếm dụng, doanh nghiệp xác định chủ sở hữu để hoàn trả hoặc ký hợp đồng thuê mượn lại tài sản. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu, doanh nghiệp hạch toán tăng vốn nhà nước tương ứng với giá trị thực tế của tài sản;

c) Đối với tài sản thuộc công trình phúc lợi, gồm: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được chuyển giao cho doanh nghiệp mới quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong doanh nghiệp. Đối với nhà ở của cán bộ, công nhân viên, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện hành;

d) Đối với tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp thì chuyển giao cho doanh nghiệp tiếp tục sử dụng trong sản xuất kinh doanh;

đ) Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc theo số năm thực tế làm việc tại doanh nghiệp trước khi giao doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc xử lý các khoản nợ:

a) Đối với các khoản nợ thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác; khoản vay Ngân hàng Thương mại nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam mà doanh nghiệp đã huy động các nguồn vốn để trả nợ nhưng không đủ thì được xử lý theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Đối với khoản nợ bảo hiểm xã hội thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp và của người lao động mà doanh nghiệp đã thu thì trước khi giao doanh nghiệp được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thanh toán. Trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ thanh toán từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Người nhận giao doanh nghiệp có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải thu, phải trả của doanh nghiệp sau khi được xử lý.

4. Giá trị tài sản còn lại, sau khi thanh toán các chi phí cần thiết cho việc giao doanh nghiệp, được chuyển giao toàn bộ cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp sở hữu.

5. Trường hợp Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp không tham gia nhận giao doanh nghiệp thì được cấp quyết định giao doanh nghiệp xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công việc hoặc giải quyết theo chính sách tinh giản biên chế của Chính phủ.

Điều 23. Trình tự, thủ tục giao doanh nghiệp

1. Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, tổ chức quyết định giao doanh nghiệp thông báo cho doanh nghiệp và trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thực hiện giao doanh nghiệp.

2. Ban Chấp hành Công đoàn hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời cùng Giám đốc doanh nghiệp tổ chức Đại hội công nhân, viên chức để biểu quyết theo thể thức đa số quá bán việc tự nguyện nhận giao doanh nghiệp; xây dựng và thông qua phương án nhận giao doanh nghiệp bao gồm cả phương án sản xuất kinh doanh và phương án sắp xếp lại lao động; thực hiện các điều kiện nhận giao doanh nghiệp, trong đó cam kết sử dụng hết lao động trong doanh nghiệp (trừ số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động); cử người đại diện tiến hành các thủ tục nhận giao doanh nghiệp. Doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn thì Ban Đối mới tại doanh nghiệp phối hợp với Giám đốc doanh nghiệp tổ chức Đại hội công nhân, viên chức doanh nghiệp.

3. Ban Đối mới tại doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản; xác định và phân loại công nợ; lập báo cáo tài chính; dự kiến chi phí tổ chức thực hiện giao doanh nghiệp. Căn cứ số liệu trên sổ kế toán, kết quả kiểm kê, phân loại, xử lý tài sản, tài chính và công nợ theo các nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính và công

nợ nêu tại Điều 22 Nghị định này, Giám đốc doanh nghiệp và Ban Đổi mới tại doanh nghiệp lập phương án xác định giá trị doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động. Trường hợp chi phí tổ chức thực hiện giao doanh nghiệp theo dự kiến lớn hơn giá trị phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp thì phải chuyển sang hình thức giải thể, phá sản.

4. Ban Chấp hành Công đoàn doanh nghiệp hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời hoặc người được Đại hội công nhân, viên chức bầu làm đại diện lập danh sách, phân loại lao động và lập hồ sơ liên quan của người lao động; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và cam kết nhận giao doanh nghiệp.

5. Đại diện tập thể người lao động gửi hồ sơ xin nhận giao doanh nghiệp đến Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin nhận giao doanh nghiệp;
- b) Phương án sản xuất kinh doanh;
- c) Phương án sử dụng, đào tạo lại lao động;
- d) Dự kiến loại hình tổ chức doanh nghiệp mới;
- đ) Những cam kết của tập thể người lao động trong doanh nghiệp.

6. Cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ xin nhận giao doanh nghiệp và ra quyết định giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động; quyết định này được gửi đến các cơ quan: Tài chính doanh nghiệp, Thuế, Đăng ký kinh doanh, Kế hoạch và Đầu tư; Lao động - Thương binh và Xã hội, Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp.

7. Tổ chức ký hợp đồng giao nhận doanh nghiệp giữa đại diện tập thể người lao động và người được Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền; Tổng giám đốc tổng công ty nhà nước, công ty mẹ. Hợp đồng giao nhận doanh nghiệp gồm các nội dung chính sau và được thông báo tại doanh nghiệp, trên một trong các loại báo viết hoặc báo điện tử 3 số liên tiếp:

- a) Tên, địa chỉ doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động;
- b) Họ và tên, địa chỉ người đại diện cho tập thể người lao động;
- c) Giá trị doanh nghiệp được giao, phương thức giao nhận;
- d) Các cam kết của tập thể người lao động tại doanh nghiệp;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của tập thể người lao động nhận giao doanh nghiệp.

Kèm theo hợp đồng là bảng kê khai tài sản giao quy thành giá trị, danh sách tập thể người lao động được giao doanh nghiệp.

8. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp cùng Giám đốc doanh nghiệp tổ chức bàn giao doanh nghiệp theo phương án đã được phê duyệt cho tập thể người lao động do Chủ tịch Công đoàn doanh nghiệp hoặc người do Đại hội công nhân viên chức bầu làm đại diện để tiếp nhận và quản lý, có sự chứng kiến của đại diện cơ quan, tổ chức quyết định giao doanh nghiệp và cơ quan tài chính doanh nghiệp.

9. Sau khi nhận giao, đại diện tập thể người lao động tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên hoặc Đại hội xã viên, tùy theo loại hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hợp tác xã mà tập thể người lao động nhận giao đã lựa chọn, thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Hồ sơ đăng ký kinh doanh phải bao gồm quyết định giao doanh nghiệp, hợp đồng giao nhận và biên bản bàn giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động.

10. Đại diện của doanh nghiệp thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật về việc giao doanh nghiệp và thay đổi hình thức pháp lý của doanh nghiệp trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 24. Quyền sở hữu đối với doanh nghiệp sau khi giao

Toàn bộ giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp sau khi đã được xử lý theo quy định tại Điều 22 Nghị định này thuộc sở hữu tập thể người lao động và chia thành các cổ phần hoặc các phần vốn góp để giao cho từng người lao động tham gia nhận giao doanh nghiệp.

Mỗi người lao động nhận giao doanh nghiệp được giao quyền sở hữu một phần giá trị tài sản còn lại này bằng cổ phần hoặc phần vốn góp tương ứng với số năm đã làm việc cho khu vực nhà nước; được hưởng cổ tức, phần lợi nhuận; có quyền kế thừa nhưng không được chuyển nhượng số cổ phần hoặc phần vốn được giao trong thời hạn 3 năm sau khi nhận giao doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận giao doanh nghiệp

1. Đăng ký kinh doanh theo hình thức pháp lý đã lựa chọn.
2. Được sử dụng tài sản được giao, tổ chức sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập theo điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
3. Được kế thừa quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp cũ theo thoả thuận trong hợp đồng giao nhận doanh nghiệp; kế thừa các hợp đồng thuê đất, cung cấp điện, nước của doanh nghiệp cũ theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp có quyền lựa chọn kế thừa hình thức thuê đất hoặc chuyển sang hình thức giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Được hỗ trợ kinh phí tổ chức việc đào tạo lại để giải quyết việc làm cho người lao động từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Có trách nhiệm thực hiện những cam kết trong hợp đồng nhận giao doanh nghiệp và các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI MUA, NHẬN GIAO DOANH NGHIỆP

Điều 26. Chính sách đối với doanh nghiệp bán, giao

Chính sách đối với doanh nghiệp giao cho tập thể người lao động; doanh nghiệp bán cho tập thể, cá nhân hoặc pháp nhân được áp dụng theo các quy định tại Điều 50 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

Điều 27. Chính sách đối với người mua trả tiền ngay

Nếu người mua doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp trả tiền một lần ngay sau khi mua thì được giảm giá tối đa là 5% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất nhưng không vượt quá số vốn chủ sở hữu hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp.

Điều 28. Chính sách đối với tập thể người lao động mua doanh nghiệp

Trường hợp tập thể người lao động trong doanh nghiệp trúng đấu giá hoặc là người duy nhất đăng ký mua, thì được giảm 15% giá bán không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất nhưng không vượt quá số vốn chủ sở hữu hiện có tại doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN, GIAO DOANH NGHIỆP

Điều 29. Thẩm quyền quyết định bán, giao doanh nghiệp

Căn cứ vào Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này:

1. Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập quyết định: giao công ty thành viên hạch toán độc lập; bán công ty thành viên hạch toán độc lập, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty, công ty mẹ, bộ phận phụ thuộc công ty thành viên hạch toán độc lập có giá trị tài sản vượt quá 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định bán, giao đổi với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập, kể cả các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của tổng công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chưa chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

b) Quyết định bán đổi với những bộ phận của doanh nghiệp do mình quyết định thành lập chưa chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó vượt quá 30% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất (nếu doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị) hoặc vượt quá 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất (nếu doanh nghiệp có Hội đồng quản trị).

3. Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định bán đổi với những bộ phận doanh nghiệp mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó không vượt quá mức 50% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất.

4. Giám đốc công ty không có Hội đồng quản trị quyết định bán đổi với những bộ phận doanh nghiệp mà giá trị tài sản còn lại của bộ phận doanh nghiệp đó không vượt quá mức 30% tổng giá trị tài sản còn lại trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp được công bố tại quý gần nhất.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức việc bán, giao doanh nghiệp

1. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp là cơ quan giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ.

Tùy theo tính chất ngành nghề, hình thức là giao hoặc bán doanh nghiệp và tình trạng tài chính của doanh nghiệp, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp mời thêm các thành viên đại diện của ngân hàng, doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp và các cơ quan liên quan tham gia.

2. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ quyết định thành lập Ban Đổi mới tại doanh nghiệp để thực hiện các công việc quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện phương án bán, giao doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nghị định này thì Giám đốc doanh nghiệp phải chịu các hình thức kỷ luật và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định bán doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Điều 31. Nhiệm vụ của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trong tổ chức bán, giao doanh nghiệp

1. Trường hợp bán doanh nghiệp:

a) Xây dựng phương án bán doanh nghiệp; thông báo với toàn thể người lao động trong doanh nghiệp và trên phương tiện thông tin đại chúng việc bán doanh nghiệp;

b) Chỉ đạo và giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp trong việc xác định hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản, việc đối chiếu công nợ, danh sách các chủ nợ và người mắc nợ doanh nghiệp, số nợ của các chủ nợ và các khoản nợ phải trả; xây dựng phương án xử lý các tồn tại về tài chính và lao động của doanh nghiệp;

c) Giám sát tổ chức tư vấn định giá trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, xác định giá khởi điểm để báo cáo cơ quan, tổ chức quyết định bán doanh nghiệp phê duyệt;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện đấu giá; tổ chức bán trực tiếp và kiến nghị giá bán (trường hợp bán trực tiếp), kiến nghị người bán doanh nghiệp phê duyệt kết quả đấu giá doanh nghiệp;

đ) Lập hợp đồng bán doanh nghiệp và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ quyết định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hoàn trả các tài sản mà doanh nghiệp đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người mua theo thoả thuận của hợp đồng bán doanh nghiệp;

g) Đôn đốc việc thanh toán, bảo đảm thanh toán đúng hạn; quản lý hồ sơ thể chấp và làm các thủ tục phát mại khi người mua vi phạm cam kết thanh toán;

h) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc bán doanh nghiệp.

2. Trường hợp giao doanh nghiệp:

a) Xây dựng phương án giao doanh nghiệp; thông báo với toàn thể người lao động trong doanh nghiệp và trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giao doanh nghiệp;

b) Thẩm định giá trị doanh nghiệp, xác định hiện trạng tài sản, phẩm chất và tính năng kỹ thuật của tài sản, kiểm tra việc đối chiếu công nợ, danh sách các chủ nợ và người mắc nợ doanh nghiệp, số nợ của các chủ nợ và các khoản nợ phải trả; xây dựng phương án xử lý các tồn tại về tài chính và lao động của doanh nghiệp;

c) Lập hợp đồng giao doanh nghiệp và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ban Đổi mới tại doanh nghiệp tiến hành thu hồi tài sản của doanh nghiệp, hoàn trả các tài sản mà doanh nghiệp đi thuê, mượn, nhận giữ hộ; thu hồi nợ và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; bàn giao tài sản, sổ sách và các hồ sơ liên quan cho người nhận giao doanh nghiệp theo thoả thuận của hợp đồng giao doanh nghiệp;

đ) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền những vấn đề phát sinh từ việc giao doanh nghiệp.

Điều 32. Trách nhiệm của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả công việc được giao trước người quyết định bán, giao doanh nghiệp và trước pháp luật.

Điều 33. Thẩm quyền phê duyệt phương án bán, giao doanh nghiệp

Căn cứ đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ quyết định phê duyệt phương án bán, giá bán doanh nghiệp; phê duyệt phương án giao doanh nghiệp.

Điều 34. Thẩm quyền ký kết hợp đồng bán, giao doanh nghiệp

1. Bộ trưởng hoặc người được Bộ trưởng ủy quyền ký hợp đồng bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Bộ là đại diện chủ sở hữu.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền ký hợp đồng bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu.

3. Tổng giám đốc tổng công ty nhà nước, công ty mẹ ký hợp đồng bán, giao doanh nghiệp thành viên của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ.

Điều 35. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và theo dõi thực hiện hợp đồng bán, giao doanh nghiệp

Người ký hợp đồng bán, giao doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện hợp đồng bán, giao doanh nghiệp.
2. Tổ chức theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh.
3. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng bán, giao doanh nghiệp do hai bên ký hợp đồng cùng giải quyết, nếu còn tranh chấp thì khởi kiện ra Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Xử lý đối với trường hợp không có người đăng ký mua, nhận giao doanh nghiệp

Đối với doanh nghiệp không có người đăng ký mua hoặc nhận giao doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp thuộc diện bán, giao; trường hợp doanh nghiệp đã lâm vào tình trạng phá sản thì Giám đốc doanh nghiệp phải làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân mở thủ tục giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

Việc khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quá trình bán, giao doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Nghị định này và theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Bãi bỏ Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước.
3. Các doanh nghiệp đang thực hiện các hợp đồng khoán kinh doanh, cho thuê mà thời hạn khoán kinh doanh, cho thuê vượt quá thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2010 thì phải thoả thuận việc thanh lý hợp đồng và thực hiện các hình thức sắp xếp theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước, Hội đồng quản trị công ty mẹ - Tập đoàn Kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi thực hiện Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (5b). A.

Đã ký

Nguyễn Tấn Dũng